

Bản án số: 1836/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc Hương

2. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2018/TLST-DS ngày 21/05/2018 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5542/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: 79 MS, SW, Vic 3020, Australia.

Địa chỉ tạm trú: B113, Tổ BT, Khu phố B, phường TP, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: ET, KN, Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: 4 HTM, Phường NTB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1/10/16 đường NB, Khu phố T, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/04/2018; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/04/2018; bản tự khai ngày 29/05/2018, ngày 08/06/2018 và các biên bản hòa giải nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim P ủy quyền cho Bà Phùng Thị L đại diện trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim P và Ông Trần Văn L cùng làm việc ở nông trại Farm trồng rau cải ở Úc. Do hoàn cảnh khó khăn nên năm 2017, Bà Nguyễn Thị

Kim P có đứng ra mua giúp cho Ông Trần Văn L một chiếc điện thoại Iphone 7 Plus với giá 3000 đô la Úc bằng hình thức mua trả góp trong thời hạn 02 năm tại shop đại lý của công ty VODAFONE. Để trả tiền cho bà P, hằng tháng ông Toán (chủ nông trại nơi hai người cùng làm việc) sẽ trừ tiền lương là 100 đô la Úc mỗi tuần vào ngày thứ ba cho đến hết số tiền hợp đồng 24 tháng. Ông L đã trả được 1000 đô la Úc, sau đó ông L không thực hiện việc trả góp, bà P đã phải thay ông L trả hết toàn bộ số tiền còn lại là 2000 đô la Úc cho ông L âm. Ông L đã sử dụng chiếc điện thoại được một thời gian, sau đó ông L đã gửi về Việt Nam cho con gái. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại chiếc Iphone, trường hợp không trả được thì phải trả đủ 3000 đô la Úc (bao gồm 2000 đô la Úc tiền điện thoại và 1000 đô la Úc là tiền vé máy bay quy ra tiền đồng Việt Nam là 55.260.000 đồng).

Tuy nhiên, căn cứ Giấy cam kết của Ông Trần Văn L ngày 29/3/2018 và Giấy xác nhận của Ông Trần Văn L ngày 29/4/2018, ông L thừa nhận có nợ bà P số tiền mua điện thoại Iphone 7 Plus và tiền vé máy bay, tổng cộng là 2.970 đô la Úc. Do đó, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn xác định khởi kiện yêu cầu bị đơn Ông Trần Văn L phải trả cho nguyên đơn 2/3 giá trị chiếc điện thoại là 2000 đô la Úc và tiền vé máy bay là 970 đô la Úc quy ra tiền đồng Việt Nam vào thời điểm xét xử.

Bị đơn Ông Trần Văn L đã được tổng đạt Giấy triệu tập ghi tự khai, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không L ý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim P ủy quyền cho Bà Phùng Thị L đại diện, căn cứ Giấy cam kết ngày 29/3/2018 và Giấy xác nhận ngày 29/4/2018, Ông Trần Văn L xác nhận có nợ của bà P số tiền mua điện thoại Iphone 7 Plus và tiền vé máy bay, tổng cộng là 2.970 đô la Úc. Do đó, yêu cầu Ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 2000 đô la Úc (là 2/3 giá trị chiếc điện thoại Iphone 7 Plus) và tiền vé máy bay là 970 đô la Úc quy ra tỷ giá tiền đồng Việt Nam vào thời điểm xét xử ngày 29/11/2019 là 47.032.920 đồng (Theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là 1 AUD = 15.836 đồng Việt Nam).

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành tổ tụng đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện các quyền và chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng.

Bị đơn Ông Trần Văn L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không L ý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Giấy cam kết ngày 29/3/2018 và Giấy xác nhận ngày 29/4/2018 của Ông Trần Văn L xác nhận có nợ của bà P số tiền mua điện thoại Iphone 7 Plus và tiền vé máy bay, tổng cộng là 2.970 đô la Úc. Do đó, nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu ông L phải trả số tiền 2.970 đô la Úc quy ra tỷ giá tiền đồng Việt Nam vào thời điểm xét xử là 47.032.920 đồng có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà P. Buộc ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà P số tiền 47.032.920 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm, ông L phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện bị đơn Ông Trần Văn L yêu cầu bị đơn trả số tiền 2000 đô la Úc và tiền vé máy bay là 1.000 đô la Úc quy ra tiền đồng Việt Nam vào thời điểm xét xử. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án “Tranh chấp đòi tài sản”. Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim P hiện cư trú tại Úc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Ông Trần Văn L đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo Công văn số 595/QLXNC-P5 ngày 04/3/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc xác minh thông tin xuất nhập cảnh của Ông Trần Văn L có nội dung: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961, thường trú tại 1/10/16 đường 53, Khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp hộ chiếu số C6403575 ngày 24/12/2018. Đương sự đã xuất nhập cảnh 30 lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 09/02/2019 (kèm thông tin xuất nhập cảnh).

[4] Theo kết quả xác minh của Công an Phường 22, quận Bình Thạnh có nội dung: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961 không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại địa chỉ: 169/102/4 Ngô Tất Tố, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Theo kết quả xác minh của Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức có nội dung: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 1/10/16 đường 53, Khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Hiện nay ông L và gia đình không còn cư trú tại địa chỉ trên (do bán nhà) và chuyển về địa chỉ: 205A Chung cư 675 Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Theo kết quả xác minh của Công an Phường 9, quận Phú Nhuận có nội dung: Tại địa chỉ số 205A Chung cư 675 Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú

Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Trần Văn Lâm, sinh năm 1961 đăng ký thường trú, tạm trú và cũng không thực tế cư trú tại đây.

[7] Theo Giấy cam kết ngày 29/3/2018 của Ông Trần Văn L có nội dung: Vừa qua tôi (thường trú 1/10/16 phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức) có nhờ bà P (bà T) ký mua ở Úc một chiếc điện thoại Iphone 7 Plus và đã thanh toán một phần ba của hợp đồng và nay tôi còn nợ lại của bà T hai phần ba số tiền trị giá của chiếc điện thoại 3.000 Úc kim và tiền vé máy bay 970 đô la Úc, số tiền trên tôi xin hoàn trả lại sau khi tôi mở. Tổng cộng tôi thiếu 2.970 Úc kim.

[8] Theo Giấy xác nhận ngày 29/4/2018 của Ông Trần Văn L có nội dung: Vừa qua tôi (thường trú 1/10/16 phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức) có mượn bà T số tiền để mua một chiếc điện thoại Iphone 7. Nay vì hoàn cảnh tôi về Việt Nam trị bệnh nên làm giấy cam kết sẽ trả cho chị Thúy sau khi tôi mở bình phục.

[9] Như vậy, xác định Ông Trần Văn L có địa chỉ 1/10/16 đường 53, Khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[10] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ Giấy cam kết ngày 29/3/2018 và Giấy xác nhận ngày 29/4/2018 của Ông Trần Văn L thể hiện: Ông Trần Văn L có nhờ bà P (bà T) mua ở Úc một chiếc điện thoại Iphone 7 Plus và đã thanh toán một phần ba của hợp đồng và nay ông L còn nợ lại của bà P hai phần ba số tiền trị giá của chiếc điện thoại 3.000 đô la Úc và tiền vé máy bay 970 đô la Úc. Tổng cộng ông L thiếu bà P số tiền 2.970 đô la Úc. Do đó, nguyên đơn bà P yêu cầu ông L có nghĩa vụ thanh toán cho bà P số tiền 2.970 đô la Úc quy ra tỷ giá tiền đồng Việt Nam vào thời điểm xét xử là có căn cứ, nên chấp nhận.

[11] Theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) 1AUD (đô la Úc) = 15.836 đồng Việt Nam.

[12] Như vậy, ông L có nghĩa vụ thanh toán cho bà P số tiền 2.970 AUD (đô la Úc) x 15.836 đồng = 47.032.920 đồng.

[13] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim P. Buộc Ông Trần Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho bà P số tiền 2.970 đô la Úc quy ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử là 47.032.920 đồng, là có căn cứ, nên chấp nhận.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông L phải chịu án phí trên số tiền 47.032.920 đồng, cụ thể 47.032.920 đồng x 5% = 2.351.646 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim P.

Buộc Ông Trần Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 47.032.920đ (bốn mươi bảy triệu không trăm ba mươi hai ngàn chín trăm hai mươi đồng).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L chưa thi hành án khoản tiền nêu trên cho bà P thì ông L còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn L chịu 2.351.646đ (hai triệu ba trăm năm mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim P không phải chịu. Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.381.500đ (một triệu ba trăm tám mươi một ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0044543 ngày 16/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị Kim P có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn L vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THA DS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu (T/27)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường